

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2026/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị X, sinh năm 2002

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ tạm trú: TDP C, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Nông Đức C, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị X và anh Nông Đức C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị X và anh Nông Đức C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nông Đức C có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nông Khánh C1, sinh ngày 28/11/2020 cho đến khi con chung Nông Khánh C1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nông Đức C không yêu cầu chị Hà Thị X cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Hà Thị X và anh Nông Đức C không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị Hà Thị X và anh Nông Đức C không có nợ chung.

- Về án phí: Chị Hà Thị X tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0002827 ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn lại cho chị Hà Thị X số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và Điều 7 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV6;
- UBND xã Thanh Thịnh, Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Tòa án tỉnh Thái Nguyên (kèm BBHGT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Thị Vang

